

BẢNG ĐIỂM THI MÔN: Anh văn HP3 QT11C, Kỳ 2 năm học 2025-2026

STT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Điểm 75	Ghi chú
1	1001020233	Nguyễn Yên	Nhi	28/11/2004	KD10D	000001	753	9	6.8	01
2	1001020022	Đỗ Quốc	Anh	28/02/2004	KD10G	000002				01
3	1001030524	Phạm Văn Trung	Đức	08/12/2004	QT10B	000003	685	9.4	7.1	01
4	1101030508	Bùi Minh	Chiến	28/10/1997	QT11C	000004	361	8.6	6.5	01
5	1101031162	Phạm Ngọc	Cường	09/07/1985	QT11C	000005	412	9.6	7.2	01
6	1101021458	Nguyễn Sỹ	Đạt	11/06/2004	QT11C	000006	526	9.6	7.2	01
7	1101031266	Đỗ Thế	Đức	29/04/2003	QT11C	000007	361	9.2	6.9	01
8	1101031392	Trần Minh	Đức	17/10/2001	QT11C	000008	412	8.8	6.6	01
9	1101031434	Nguyễn Hữu	Lương	10/08/2000	QT11C	000009	526	9.4	7.1	01
10	1101081351	Lê Thị Thu	Phuong	23/02/2001	QT11C	000010	685	9.4	7.1	01
11	1101021457	Đàm Anh	Thu	02/05/2004	QT11C	000011	753	9.4	7.1	01
12	1101021318	Nguyễn Anh	Tú	31/07/1998	QT11C	000012	361	8.2	6.2	01
13	1101030740	Nguyễn Thị Phương	Uyên	05/11/2005	QT11C	000013	412	9.6	7.2	01
14	1101030464	Nguyễn Thị	Yên	11/02/2005	QT11C	000014	526	8.2	6.2	01
15	1102031431	Trịnh Văn	Hào	03/02/1995	QT11C_VLVH	000015	685	9.2	6.9	01
16	1102031441	Nguyễn Hữu	Lĩnh	03/12/1989	QT11C_VLVH	000016	753	9.4	7.1	01
17	1102031248	Lưu Đình	Tú	10/11/1994	QT11C_VLVH	000017	361	9.2	6.9	01
18	1102031249	Trịnh Hữu	Tú	01/01/1992	QT11C_VLVH	000018	412	9.6	7.2	01
19	1001010752	Nguyễn Trần Quỳnh	Anh	10/08/2004	TC10B	000019				01
20	1001080396	Phan Anh	Kiệt	30/01/2004	TM10A	000020	526	6.8	5.1	01

Tổng số bài thi: 18

Cán Bộ Chấm 1



Đào Thị Hồng Lam

Hưng Yên, Ngày 03 tháng 7 năm 2026

Cán bộ chấm 2



Đỗ Việt Hùng